

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐẮK SẮK**
Số: 48/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Đắk Sắk, ngày 09 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Công khai dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2026

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐẮK SẮK

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 30/12/2025 của Hội đồng nhân dân xã Đắk Sắk về việc thông qua dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; dự toán chi ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách xã Đắk Sắk năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 955/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND xã Đắk Sắk về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026;

Xét đề nghị của Phòng Kinh tế xã Đắk Sắk,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 của xã Đắk Sắk.

(Chi tiết theo các phụ lục đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã; Trưởng phòng Kinh tế; Trưởng phòng giao dịch số 7 - Kho bạc Nhà nước khu vực XVI; Trưởng Thuế cơ sở 12 - Tỉnh Lâm Đồng; Thủ trưởng các phòng, ban, cơ quan và các đơn vị sự nghiệp trực thuộc xã chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (t/h);
- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Tài chính (b/c);
- TT. Đảng ủy (b/c);
- TT. HĐND xã (b/c);
- CT, các PCT UBND xã;
- Các trường thôn, bon trong xã;
- Lưu VT, KT. (Th)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Phò

CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 09/01/2026 của UBND xã Đắk Sắk)

Đơn vị: 1.000 đồng

NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	175.518.000	TỔNG SỐ CHI	175.518.000
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	9.057.000	I. Chi đầu tư phát triển	9.792.000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ ⁽¹⁾	22.584.000	II. Chi thường xuyên	175.518.000
III. Thu bổ sung	143.913.000	III. Dự phòng	3.010.000
- Bổ sung cân đối	119.722.000	IV. Chi bổ sung có mục tiêu	24.191.000
- Bổ sung có mục tiêu	24.191.000		
IV. Thu chuyển nguồn			

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 09/01/2026 của UBND xã Đắk Sắk)

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2026	
		THU NSNN	THU NSX
A	B	3	4
	TỔNG THU	175.518.000	175.518.000
I	Các khoản thu xã hưởng 100%	9.057.000	9.057.000
	Phí, lệ phí	401.000	401.000
	Lệ phí trước bạ	8.500.000	8.500.000
	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	6.000	6.000
	Thu khác	150.000	150.000
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	22.549.000	22.549.000
	Thuế GTGT	8.231.000	8.231.000
	Thuế TNDN	65.000	65.000
	Thuế Thu nhập cá nhân	6.600.000	6.600.000
	Thuế Tài nguyên	815.000	815.000
	Thu tiền sử dụng đất	6.749.000	6.749.000
	Thu tiền cho thuê đất, tiền cho thuê mặt nước	20.000	20.000
	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	68.000	68.000
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)		
IV	Thu chuyển nguồn		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	143.913.000	143.913.000
	- Thu bổ sung cân đối	119.722.000	119.722.000
	- Thu bổ sung có mục tiêu	24.191.000	24.191.000

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 09/01/2026 của UBND xã Đắk Sắk)

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2026		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG CHI	175.518.000	9.792.000	162.716.000
	Trong đó			
1	Chi giáo dục	94.363.000		94.363.000
2	Chi khoa học và công nghệ	1.518.000		1.518.000
3	Chi quốc phòng	6.482.000		6.482.000
4	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	3.187.000		3.187.000
5	Chi y tế, dân số và gia đình	5.874.000		5.874.000
6	Chi văn hóa, thông tin	583.000		583.000
7	Chi phát thanh, truyền thanh	366.000		366.000
8	Chi thể dục thể thao	366.000		366.000
9	Chi bảo vệ môi trường	1.239.000		1.239.000
10	Chi các hoạt động kinh tế	7.451.627		7.451.627
11	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	31.219.373		31.219.373
12	Chi cho công tác xã hội	8.189.000		8.189.000
13	Chi khác	1.878.000		1.878.000
14	Dự phòng ngân sách	3.010.000		3.010.000